

**CÔNG KHAI PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023***(Dùng cho đơn vị thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP;**Dùng cho đơn vị thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)**(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày /4/2023 của Sở Công Thương Tuyên Quang)**Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| STT        | Nội dung  | Tổng số đã phân bổ | Chi tiết theo đơn vị sử dụng |  |
|------------|---|--------------------|------------------------------|--|
|            |   |                    | Văn phòng Sở Công Thương     | Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp |
| A          | B   | 1=2+3              | 2                            | 3  |
|            | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (I-II)</b>  | <b>275.000</b>     | <b>275.000</b>               |  |
| <b>I</b>   | <b>CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH TUYÊN QUANG</b>   | <b>20.000</b>      | <b>20.000</b>                |  |
| <b>1.1</b> | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340, Khoản 341, Mã nguồn 12 - Mã CTMT 0477)</b>   |                    |                              |  |
|            | Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình   | 20.000             | 20.000                       |  |
|            | Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá  | <b>20.000</b>      | 20.000                       |  |
| <b>II</b>  | <b>CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH TUYÊN QUANG</b>  | <b>255.000</b>     | <b>255.000</b>               |  |
| <b>1.1</b> | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340, Khoản 341, Mã nguồn 12 - Mã CTMT 0492)</b>   | <b>220.000</b>     | <b>220.000</b>               |  |
|            | Thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.   | <b>220.000</b>     | 220.000                      |  |
|            | - Khảo sát tìm hiểu thông tin về sản phẩm, tình hình sản xuất, kênh phân phối, tiêu thụ; Lựa chọn địa điểm thực hiện và sản phẩm đưa vào mô hình  | <b>40.800</b>      | 40.800                       |  |
|            | - Hỗ trợ đơn vị xây dựng mô hình về trang thiết bị phục vụ bán hàng, thu mua và giới thiệu sản phẩm   | <b>100.000</b>     | 100.000                      |  |
|            | - Công tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá mô hình   | <b>23.300</b>      | 23.300                       |  |
|            | - Tổ chức Hội nghị khai trương mô hình  | <b>25.500</b>      | 25.500                       |  |
|            | - Tổ chức Đoàn làm việc về công tác kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm với các Doanh nghiệp lớn có hệ thống phân phối trên toàn quốc   | <b>30.400</b>      | 30.400                       |  |
| <b>1.2</b> | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340, Khoản 341, Mã nguồn 12 - Mã CTMT 0502)</b>   | <b>35.000</b>      | <b>35.000</b>                |  |
|            | Thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới. | <b>35.000</b>      | 35.000                       |  |
|            | - Quản lý chương trình  | <b>35.000</b>      | 35.000                       |  |
|            | <b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>  |                    | <b>1039518</b>               |  |
|            | <b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>   |                    | <b>2.461</b>                 |  |





